



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ III

NƠI GỬI:

Năm 2011



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		947.404.826.610	842.423.184.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		120.646.363.198	106.497.794.903
1. Tiền	111	D1	113.637.983.198	81.661.803.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.008.380.000	24.835.991.780
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	22.694.118.763	36.129.147.943
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.744.905.851	49.092.369.471
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.050.787.088)	(12.963.221.528)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		435.362.959.624	379.880.146.892
1. Phải thu khách hàng	131		134.130.046.424	139.074.302.004
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	187.338.743.725	217.116.916.044
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	114.832.309.981	25.180.835.030
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(938.140.506)	(1.491.906.186)
IV. Hàng tồn kho	140		331.143.920.380	275.187.718.365
1. Hàng tồn kho	141	D4	336.141.841.983	280.012.761.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.997.921.603)	(4.825.043.063)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.557.464.645	44.728.376.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.736.126.917	2.374.397.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.900.524.116	27.882.758.189
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	140.000	59.971.924
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.920.673.612	14.411.248.638
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.738.422.478.320	1.514.908.308.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.864.029.609	4.345.621.247
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	4.864.029.609	4.345.621.247
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		882.335.896.211	645.846.282.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	132.503.309.885	128.930.789.242
- Nguyên giá	222		172.371.505.035	158.682.468.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.868.195.150)	(29.751.679.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	5.533.927.502	6.891.006.551
- Nguyên giá	225		8.099.678.641	8.099.678.641
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.565.751.139)	(1.208.672.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	47.288.783.752	48.143.363.719
- Nguyên giá	228		53.027.326.840	52.842.326.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.738.543.088)	(4.698.963.121)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	697.009.875.072	461.881.123.012
III. Bất động sản đầu tư	240	D12	166.605.982.689	96.391.944.455
- Nguyên giá	241		193.117.439.544	115.808.292.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(26.511.456.855)	(19.416.347.749)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		593.718.337.315	687.287.495.371
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	-

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	160.850.854.470	245.139.975.519
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	466.918.802.952	466.032.998.908
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(34.051.320.107)	(23.885.479.056)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		90.898.232.496	81.036.965.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	45.337.264.500	35.562.523.169
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		12.223.926.796	12.223.926.796
3. Tài sản dài hạn khác	268		33.337.041.200	33.250.515.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.685.827.304.930	2.357.331.493.494
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.799.664.522.409	1.477.197.357.737
I. Nợ ngắn hạn	310		1.024.969.359.889	884.881.654.531
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	515.342.838.521	473.247.112.341
2. Phải trả người bán	312		129.385.093.758	114.418.935.802
3. Người mua trả tiền trước	313		132.382.546.430	111.393.088.034
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	20.114.444.066	21.967.183.272
5. Phải trả người lao động	315		43.577.741.717	43.204.415.801
6. Chi phí phải trả	316	D19	28.851.044.349	21.624.749.389
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	150.448.227.907	92.172.575.618
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.867.423.141	6.853.594.274
II. Nợ dài hạn	330		774.695.162.520	592.315.703.206
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	53.841.130.773	125.519.831.624
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	510.705.943.963	354.845.761.678
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.217.376.871	2.257.175.844
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		207.930.710.913	109.692.934.060
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		727.571.929.146	732.725.216.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	D23	727.571.929.146	732.725.216.830
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690.474.358)	(690.474.358)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.149.551.311	5.093.483.305
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.152.220.966	19.159.016.653
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.573.108.078	9.067.519.041
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		122.366.934.846	133.075.083.886
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	D24	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		158.590.853.375	147.408.918.927
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		2.685.827.304.930	2.357.331.493.494

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		D25	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
USD			3.018	3.026
EUR			18	26
JPY			-	-
AUD			-	-
SGD			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 10 năm 2011
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2011	Quý III/2010	Lũy kế	
					2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	1.841.121.451.703	1.044.148.353.403	4.304.072.325.582	2.744.635.603.990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.910.758.377	2.053.038.204	7.392.857.325	7.809.692.935
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.839.210.693.326	1.042.095.315.199	4.296.679.468.257	2.736.825.911.055
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	1.728.607.936.344	980.807.013.076	4.008.262.584.874	2.568.458.639.494
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.602.756.982	61.288.302.123	288.416.883.383	168.367.271.561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	4.822.269.235	22.265.215.683	26.130.348.612	38.423.286.483
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	35.729.094.851	20.119.191.286	103.694.417.882	34.645.002.757
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.598.914.449	17.593.551.404	86.207.161.096	42.252.161.826
8. Chi phí bán hàng	24		40.557.912.581	27.636.795.569	101.730.320.909	70.015.971.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.240.394.683	19.436.439.091	94.116.572.123	57.570.816.395
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.897.624.102	16.361.091.860	15.005.921.081	44.558.767.236
11. Thu nhập khác	31	D30	121.587.392.101	1.193.242.979	141.405.151.138	12.738.247.443
12. Chi phí khác	32	D31	85.821.803.385	132.044.326	87.246.636.695	1.456.787.869
13. Lợi nhuận khác	40		35.765.588.716	1.061.198.653	54.158.514.443	11.281.459.574
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		915.163.797	1.542.422.755	3.020.453.044	4.255.926.026
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		41.578.376.615	18.964.713.268	72.184.888.568	60.096.152.836
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		6.247.746.809	3.389.732.059	18.232.442.496	10.694.383.836
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			-	-	466.351.559
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		35.330.629.806	15.574.981.209	53.952.446.072	48.935.417.441
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		12.344.255.248	862.271.864	26.895.642.258	6.459.026.365
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		22.986.374.558	14.712.709.345	27.056.803.814	42.476.391.076
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D32	920	385	1.083	1.700

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>2011</i>	<i>2010</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.184.888.568	60.096.152.836
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		18.939.177.428	9.439.695.262
- Các khoản dự phòng	03		7.426.285.151	(21.397.564.697)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(130.175.830.834)	(49.282.260.181)
- Chi phí lãi vay	06		86.207.161.096	42.234.115.437
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.589.681.409	41.090.138.657
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60.196.155.469)	(68.087.693.011)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56.129.080.555)	(125.415.183.555)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		114.748.478.951	(8.461.582.124)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.023.817.683	(6.793.220.221)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(85.397.730.098)	(41.715.511.806)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16.482.026.914)	(20.495.761.666)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(8.156.705.521)	18.178.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.247.708.448)	(5.231.678.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.247.428.962)	(235.092.314.132)
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(337.155.759.459)	(120.413.491.302)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.028.072.727	3.797.040.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.182.362.620)	(19.976.137.780)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		241.492.684.001	25.769.000.943
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.885.627.803	8.261.350.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.931.737.548)	(102.562.237.786)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		800.000.000	29.195.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(690.458.358)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.683.137.955.148	1.306.374.836.955
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.483.890.555.083)	(1.048.217.383.981)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.291.591.600)	(2.328.043.918)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.420.073.660)	(37.000.582.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		171.335.734.805	247.333.368.183
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.148.568.295	(90.321.183.735)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		106.497.794.903	161.869.131.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		120.646.363.198	71.547.947.745

Ngày 20 tháng 10 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

BCLCTTHN

5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ III NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.
- 4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**
 1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
 3. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
 5. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 6. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
 7. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 8. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
 - Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn
 - Địa chỉ: 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
- 10. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn (từ 30/09/2011)
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 99%
- 5. **Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:**
 1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
 2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
 3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
 5. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
 6. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 25%
 7. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội
 - Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền		
Tiền mặt	13.329.557.344	5.141.765.517
Tiền gửi ngân hàng	100.286.709.406	76.435.606.257
Tiền đang chuyển	21.716.448	84.431.349
Cộng	113.637.983.198	81.661.803.123

D2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	32.744.905.851	49.092.369.471
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(10.050.787.088)	(12.963.221.528)
Cộng	22.694.118.763	36.129.147.943

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 30/09/2011		Danh mục tại 01/01/2011	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6.300.000.000
2	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14.000.000.000
3	Cty CP Merufa	110.000	3.000.000.000	110.000	3.000.000.000
4	Cty CP PT Nhà Thử Đức (Thuduchouse)	271.010	9.013.213.808	305.250	12.800.732.088
5	Cty CP XNK Khánh Hội	42.810	429.639.500	128.200	3.095.377.940
6	Cty CP Bourbon Tây Ninh	-	-	40.000	596.000.000
7	Cty CP Cơ Điện Lạnh REE	-	-	147.840	2.625.281.000
8	Sai Gon Postel (SPT)	-	-	539.423	4.903.850.000
9	Cty CP ĐTư Hạ Tầng Kỹ Thuật (CII)	-	-	50.000	1.769.000.000
10	Ngân hàng CP Sài Gòn Thương Tín	-	-	2	75.900
11	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng (HPC)	812	2.052.543	812	2.052.543
Tổng cộng		1.104.632	32.744.905.851	2.001.527	49.092.369.471

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	366.313.200
- Phải thu khác (*)	114.832.309.981	24.814.521.830
Cộng	114.832.309.981	25.180.835.030

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Các khoản phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản:

- ✓ Chuyển nhượng vốn đầu tư: 105.202.800.000đ
- ✓ Giao vốn cho bộ phận kinh doanh xe cũ tại công ty con: 6.868.910.662đ
- ✓ Chi hộ cho dự án Trường Chinh tại công ty con: 1.904.802.964đ
- ✓ Các khoản chi hộ và phải thu một số đơn vị khác là 3.660.353.581đ

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 187.338.743.725 đồng, trong đó:

- ✓ Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Cái Răng, Cần Thơ (nam Cần Thơ): 37.953.702.000đ – thực hiện dự án Toyota Cần Thơ – Công ty CP Toyota Cần Thơ đang hoạt động tại đây – giai đoạn cuối hoàn tất chuyển quyền sở hữu, tăng bất động sản đầu tư.
- ✓ Cuối tháng 12/2010, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng hơn 2ha đất của Thành Phố Đà Nẵng, để phát triển Dự án tại nam Cẩm Lệ: 72.882.483.030đ.
- ✓ Các khoản ứng trước cho các nhà cung cấp khác (thi công, san lấp, tư vấn...) là 5.880.349.873đ.
- ✓ 6.013.503.110 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty TNHH Đông Đô Thành.
- ✓ 8.003.033.039 đồng: ứng trước các chi phí của Đại lý Toyota Pháp Vân và tiền hàng của Cty Toyota Giải Phóng.
- ✓ 13.032.059.840 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con.
- ✓ 32.001.968.625 đồng: ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án Mega Mall tại Hà Nội
- ✓ 2.582.913.615 đồng: Ứng trước tiền hàng của Cty TOYOTA Long Biên.
- ✓ 6.058.216.494 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Toyota Cần Thơ.
- ✓ 129.567.500 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Thành Phố (Hyundai).
- ✓ 2.507.872.000 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Sông Hàn (Hyundai).

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	7.494.652.908
- Nguyên liệu, vật liệu	6.332.890.037	3.414.273.776
- Công cụ, dụng cụ	-	821.939.200
- Chi phí SX, KD dở dang	2.919.720.412	1.211.899.666
- Thành phẩm	1.105.312.508	-
- Hàng hóa	325.479.127.984	266.365.204.836
- Hàng gửi đi bán	304.791.042	704.791.042
Cộng giá gốc hàng tồn kho	336.141.841.983	280.012.761.428

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Các khoản phải thu Nhà nước	140.000	59.971.924
Cộng	140.000	59.971.924

D6. Phải thu dài hạn nội bộ

D7. Phải thu dài hạn khác

(*): Khoản phải thu dài hạn chủ yếu là khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	112.269.443.628	26.652.096.643	14.967.260.892	4.793.667.494	158.682.468.657
Mua trong kỳ	449.423.309	6.078.771.601	6.628.290.517	3.355.875.020	16.512.360.447
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.241.076)	(2.789.082.993)	-	(2.823.324.069)
Số cuối kỳ	112.718.866.937	32.696.627.168	18.806.468.416	8.149.542.514	172.371.505.035
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.077.329.617	9.775.407.175	4.363.626.228	535.316.395	29.751.679.415
Khấu hao trong kỳ	5.368.717.515	2.302.684.219	2.076.489.113	1.063.608.837	10.811.499.684
Giảm trong kỳ	-	(26.732.849)	(668.251.100)	-	(694.983.949)
Số cuối kỳ	20.446.047.132	12.051.358.545	5.771.864.241	1.598.925.232	39.868.195.150
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	97.192.114.011	16.876.689.468	10.603.634.664	4.258.351.099	128.930.789.242
Số cuối kỳ	92.272.819.805	20.645.268.623	13.034.604.175	6.550.617.282	132.503.309.885

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.721.350.630 đồng

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.208.672.090	-	1.208.672.090
Khấu hao trong kỳ	1.357.079.049	-	1.357.079.049
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	2.565.751.139	-	2.565.751.139
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.891.006.551	-	6.891.006.551
Số cuối kỳ	5.533.927.502	-	5.533.927.502

D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.120.693.490	1.721.633.350	52.842.326.840
Tăng trong kỳ	-	185.000.000	185.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	51.120.693.490	1.906.633.350	53.027.326.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.315.660.492	383.302.629	4.698.963.121
Khấu hao trong kỳ	693.847.884	345.732.083	1.039.579.967
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	5.009.508.376	729.034.712	5.738.543.088
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	46.805.032.998	1.338.330.721	48.143.363.719
Số cuối kỳ	46.111.185.114	1.177.598.638	47.288.783.752

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chuyển TSCĐ/BĐSDT	Số cuối kỳ
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	3.982.948.278	65.478.547	-	4.048.426.825
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	97.361.330.108	6.526.010.167	-	103.887.340.275
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	23.783.475.442	12.630.470.232	-	36.413.945.674
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-	-	234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang	19.838.906.191	110.571.060	-	19.949.477.251
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	10.131.979.955	24.295.711	-	10.156.275.666
Dự án Quốc Lộ 13	171.894.300.125	11.394.378.277	-	183.288.678.402
Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ	15.534.969.277	1.080.532.091	-	16.615.501.368
Dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng	2.000.000.000	1.609.445.055	-	3.609.445.055
Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội)	117.119.060.053	278.840.485.964	77.309.147.340	318.650.398.677
Sửa chữa showroom Toyota Pháp Vân	-	144.032.296	-	144.032.296
Sửa chữa showroom Đông Đô Thành	-	12.200.000	-	12.200.000
Cộng	461.881.123.012	312.437.899.400	77.309.147.340	697.009.875.072

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng:	Đã khởi công trong tháng 09/2011, đang thi công tường vây, cọc nhồi và móng hầm – đảm bảo đúng theo tiến độ kế hoạch.
+ Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước:	Công tác thi công tuyến kè, hạ tầng sẽ hoàn tất trong đầu tháng 10/2011. Thực hiện kế hoạch bán phần diện tích đất nền liên kế.
+ Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng:	Đang tiếp tục thi công phần hạ tầng dự án và phần móng 03 biệt thự đã bán. Tiếp tục lên phương án bán tối thiểu thêm 07 biệt thự trong năm 2011.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Vẫn đang phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phổ Quang:	Đang hoàn tất pháp lý xin thực hiện phương án đầu tư nền nhà liên kế.
+ Dự án 66-68 NKKN:	Hoàn tất việc xin chỉ tiêu QHKT và chỉ tiêu dân số quận 1. Đang thực hiện thủ tục hợp nhất sổ đỏ (66-68), đồng thời xây dựng phương án đầu tư.
+ Dự án Quốc lộ 13:	Ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án, đã thu tiền ứng trước 20% giá trị Hợp Đồng. Đã hoàn tất bổ sung pháp lý trong thủ tục chuyển nhượng, sẽ thu 80% giá trị còn lại của hợp đồng chuyển nhượng trong tháng 10/2011.
+ Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ:	Kết chuyển tăng BĐS đầu tư khi nhận GCN quyền sở hữu.
+ Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng:	Hoàn tất quy hoạch 1/500. Đã nhận sổ đỏ cho 39 nền nhà liên kế; đề xuất phương án và xúc tiến chuyển nhượng trong quý 4/2011. Tiếp tục cho việc đầu tư mở rộng của Cty CP Dana.
+ Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội):	Đang xây dựng và đã bổ nhiệm CB-RE là đơn vị kinh doanh và tiếp thị dự án. Dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác trong quý 4 năm 2011. Công suất khai thác đã đạt được hơn 82% diện tích cho thuê.

D12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu 2011	Tăng trong 2011	Giảm	Số dư 30/09/2011
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà	115.808.292.204	109.837.336.469	32.528.189.129	193.117.439.544
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	19.416.347.749	7.095.109.106	-	26.511.456.855
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Nhà	96.391.944.455	102.742.227.363	32.528.189.129	166.605.982.689

D13. Đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	8.328.000.000	8.328.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ôtô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ôtô Sông Hàn	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Sạch Vực Sài Gòn	3.026.885.279	-
Cộng	128.263.107.279	125.236.222.000

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	-	31.354.574.495	-	27.010.164.401
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	2.057.085	44.235.536.659	2.057.085	45.756.025.752
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	-	2.360.879.070	-	2.074.855.332
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	322.160	6.796.987.934	322.160	5.832.530.022
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC (*)	-	-	-	1.407.232.099
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	240.000	1.075.967.690	240.000	1.213.115.573
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland (**)	-	71.655.679.511	-	158.711.092.883
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	-	3.371.229.111	-	3.134.929.458
Cộng		160.850.854.470		245.139.975.519

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D15. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (là CD chiến lược, CD sang lập).	222.496.380.590	235.285.768.090
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	234.142.540.770	226.131.349.226
- Đầu tư dài hạn khác	10.279.881.592	4.615.881.592
Cộng	466.918.802.952	466.032.998.908

- Thuyết minh các khoản đầu tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Theo lĩnh vực tài chính					
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	11.260.497	126.666.430.590	10.748.657	126.666.430.590
2	Cty CP Chứng khoán Phương Đông (ORS)	2.400.000	31.500.000.000	2.400.000	31.500.000.000
3	Ngân Hàng EXIM	-	-	886	20.157.500
4	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	1.650	242.550.000	1.650	242.550.000
5	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	15.664	221.464.000	15.664	221.464.000
6	Công ty CP Cơ khí Vinh	47.000	488.800.000	47.000	488.800.000
7	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	30.500	305.000.000	30.500	305.000.000
8	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thủ Đô	-	-	100.000	1.000.000.000
Theo lĩnh vực dịch vụ thương mại					
1	Cty CP ĐT KD Điện lực (Tradincorp)	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
2	Cty CP Dây cáp điện Việt Thái	650.760	8.042.676.000	650.760	8.042.676.000
3	Cty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	677.250	6.772.500.000	677.250	6.772.500.000
4	Cty CP Bến Thành Non nước (Sandy Beach)	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
5	Cty CP TM BếnThành (TSC)	151.202	3.289.960.000	151.202	3.289.960.000
6	Cty CP Kỹ Nghệ Lạnh (Searefico)	173.000	11.467.000.000	173.000	11.467.000.000
7	Cty CP Rượu Bia NGK Sài Gòn (Sabeco)	200.000	14.000.000.000	200.000	14.000.000.000
8	SaiGon Postel (SPT)	-	-	1.294.615	11.769.230.000
Tổng cộng		17.557.523	222.496.380.590	18.441.037	235.285.768.090

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Dự án	30/09/2011	Nội dung
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Long Hòa - Cần Giờ	58.366.637.098	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%. Đã nộp tiền sử dụng đất. Đang tiến hành san lấp mặt bằng, đồng thời điều chỉnh quy hoạch 1/500.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	77.482.653.198	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%. Đang tiếp tục hoàn tất phần móng và 2 tầng hầm. Đã chuyển đổi công năng sang căn hộ bán và các phương án tiếp thị kinh doanh đang được xúc tiến.
Dự án 91 Pasteur	54.927.288.485	Hợp tác với Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành Phố, trong đó Savico chiếm tỉ lệ vốn góp là 51%, thực hiện dự án cao ốc văn phòng. Đang hoàn tất kiểm toán công trình và đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định.
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân	792.176.070	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu. Đang hoàn tất về pháp lý; thực hiện thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán tại 1014B. (phần giảm là do tách số giữa 02 dự án)
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu	1.168.179.730	
Khu du lịch Sinh Thái Cần Giờ	50.000.000	Tham gia dự án cùng với Cty Quản lý Nhà Quận 1 và Tổng Cty Bến Thành.
Cộng	234.142.540.770	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa, cải tạo các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc: 1.636.982.683 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án tại Phan Văn Trị, Gò Vấp (Co-op Mart): 14.680.215.107 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn tại Cty TOYOTA Cần Thơ: 3.644.483.614 đồng.

Chi phí thành lập doanh nghiệp của Công ty Ô tô Thành Phố : 1.665.148.216 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) Đại lý TOYOTA Pháp Vân, Hà Nội: 12.016.554.122 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng...tại Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con: 2.421.485.958 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng...tại Công ty CP Savico Hà Nội và Cty Toyota Long Biên: 8.489.714.766 đồng.

D17. Vay và nợ ngắn hạn**Số cuối kỳ****Số đầu năm****Vay ngắn hạn**

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngân hàng Nông Nghiệp và PT Nông Thôn	5.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	54.621.203.668	69.213.686.349
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	-	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	182.371.151.000	138.755.193.500
Ngân hàng HSBC	52.988.848.911	44.211.767.750
Ngân hàng Mitsubishi (Cần Thơ)	15.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	30.711.976.258	27.957.114.878
Ngân hàng TMCP Quân Đội	19.893.460.000	6.349.500.000
Ngân hàng Mitsubishi (Hà Nội)	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	9.071.122.006	7.779.051.014
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	6.885.100.000	11.142.588.028
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB	10.390.844.899	16.505.947.222
Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Sumitomo	8.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Hà Nội)	3.600.000.000	-
Ngân hàng Sacombank	54.730.927.713	-
Đối tượng khác	2.100.000.000	4.900.000.000
Cộng vay ngắn hạn	488.364.634.455	362.614.848.741
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Tp.HCM)	1.332.000.000	1.776.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	3.918.000.000	6.424.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	44.489.666	77.084.492.000
Ngân hàng HSBC	-	904.017.600
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	8.397.499.000	11.456.436.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi(Cần Thơ)	6.522.920.000	6.212.170.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi(Hà Nội)	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng EXIMBANK	343.504.000	-
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	226.004.400	904.017.600
Công ty cho thuê tài chính ACB	193.787.000	775.148.000
Cộng vay dài hạn đến hạn	26.978.204.066	110.632.263.600
Vay và nợ ngắn hạn	515.342.838.521	473.247.112.341

D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	2.864.139.492	6.159.149.333
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.282.105.043	13.348.973.624
- Thuế thu nhập cá nhân	1.945.184.083	1.705.932.308
- Thuế khác	22.875.448	753.128.007
Cộng	20.114.304.066	21.967.183.272

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	16.646.630.394	14.117.025.512
- Trích trước lãi sử dụng vốn	5.927.088.841	4.348.934.191

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Trích trước khác (*)	6.277.325.114	3.158.789.686
Cộng	28.851.044.349	21.624.749.389

(*) Trong đó:

+ Trích trước chi phí lương, phí tư vấn trả cho Sumitomo, chi phí khuyến mại, chi phí bảo hành, bảo dưỡng... của Công ty TOYOTA Giải Phóng.

D20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	808.529.008	646.229.191
- Bảo hiểm xã hội	754.679.552	346.147.564
- Bảo hiểm y tế	295.929.961	165.141.548
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.111.640	30.167.999
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	83.008.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	148.571.977.746	90.901.880.716
Cộng	150.448.227.907	92.172.575.618

D21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.584.657.076	11.882.492.630
- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	42.256.473.697	113.637.338.994
Cộng	53.841.130.773	125.519.831.624

D22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	227.010.537.579	66.002.504.392
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	28.610.000.000	28.732.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	30.133.773.000	32.133.773.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	47.516.706.000	52.510.390.126
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	34.354.010.795	38.754.490.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	8.247.484.890	1.429.240.000
Ngân hàng Techcombank	342.833.334	
Cộng	506.215.345.598	349.562.398.313
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	3.134.082.464	3.134.082.464

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	227.010.537.579	66.002.504.392
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	28.610.000.000	28.732.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	30.133.773.000	32.133.773.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	47.516.706.000	52.510.390.126
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	34.354.010.795	38.754.490.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	8.247.484.890	1.429.240.000
Ngân hàng Techcombank	342.833.334	
Công ty cho thuê tài chính ACB	1.356.515.901	2.149.280.901
Cộng vay và nợ dài hạn	510.705.943.963	354.845.761.678

D23. Vốn chủ sở hữu***D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số đầu 01/01/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184
Phát hành cổ phiếu trong năm 2010	-	-	(690.458.358)	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	-	-	-	71.729.573.164	71.729.573.164
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	-	-	(8.474.336.283)	(8.474.336.283)
Cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	(37.483.325.500)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	-	-	(831.975.841)	(831.975.841)
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.502.991.846	894.000.671	874.427.123	-	4.271.419.640
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.126.924.681)	(1.126.924.681)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(143.990.495)	-	-	(143.990.495)
Số dư 31/12/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830
Số dư 01/01/2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830
Phát hành cổ phiếu trong năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	27.056.803.814	27.056.803.814
Tăng trong kỳ	-	-	-	56.068.006	255.666.717	7.505.589.037	-	7.817.323.760
Cổ tức chia 2011.	-	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Giảm trong kỳ.	-	-	-	-	(2.262.462.404)	-	(12.789.445.854)	(15.051.908.258)
Số dư 30/09/2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.149.551.311	17.152.220.966	16.573.108.078	122.366.934.846	727.571.929.146

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	100.807.230.000	88.307.230.000
Vốn góp của các cổ đông	149.148.500.000	161.648.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	249.955.730.000

Phân phối cổ tức:

- Công ty dự kiến trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2011, ngày 16/04/2011, thông qua tỉ lệ trả cổ tức 2010 là 15% trên mệnh giá (đã tạm ứng cổ tức năm 2010 với tỉ lệ 5% mệnh giá vào cuối năm 2010).
- Đến 30/09/2011, công ty chưa có công bố về cổ tức 2011.

D23.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	20.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.066	20.066
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.975.507	24.975.507

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D24. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D25. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****Quý 3/ 2011****Quý 3/ 2010**

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D26. Doanh thu*****Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

- Doanh thu bán hàng	1.766.518.399.690	998.419.863.939
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.603.052.013	45.728.489.464

Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	19.986.740	18.311.840
- Hàng bán bị trả lại	1.843.444.364	1.097.280.000
- Giảm giá hàng bán	47.327.273	937.446.364

<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.839.210.693.326	1.042.095.315.199
---	--------------------------	--------------------------

Trong đó:

- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.764.607.641.313	996.366.825.735
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	74.603.052.013	45.728.489.464

D27. Giá vốn hàng bán

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.677.909.312.606	945.984.507.424
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.644.726.924	34.822.505.652
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	53.896.814	-
Cộng	1.728.607.936.344	980.807.013.076

D28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.959.820.057	964.166.631
Lãi, cổ tức được chia	1.604.052.000	293.591.600
Lãi bán chứng khoán	4.855.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	594.166.022	252.799.237
Thu hoạt động tài chính khác	659.375.656	20.754.658.215
Cộng	4.822.269.235	22.265.215.683

D29. Chi phí tài chính

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
Chi phí lãi vay	29.598.914.449	17.593.551.404
Chi phí giao dịch chứng khoán	50.412.820	1.744.805.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá	115.109.843	496.571.828
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	5.482.365.280	-
Chi phí tài chính khác	482.292.459	284.262.206
Cộng	35.729.094.851	20.119.191.286

D30. Thu nhập khác

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
--	--------------------	--------------------

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu bán thanh lý TSCĐ	1.300.000.000	10.558.000
Thu từ chuyển nhượng vốn đầu tư	114.308.715.500	-
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	4.881.799.207	1.085.142.888
Thu nhập khác	1.096.877.394	97.542.091
Cộng	121.587.392.101	1.193.242.979

D31. Chi phí khác

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
Chi phí thanh lý TSCĐ	1.199.165.094	81.564.658
Giá trị vốn đầu tư chuyển nhượng	84.507.000.000	-
Chi phí khác	115.638.291	50.479.668
Cộng	85.821.803.385	132.044.326

D32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.330.629.806	15.574.981.209
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	12.344.255.248	862.271.864
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	22.986.374.558	14.712.709.345
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.977.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	920	589

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý 3/ 2011	Quý 3/ 2010
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	24.975.507	24.981.958
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 10/07/2010	-	(1.670)
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 02/08/2010	-	(3.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.977.288

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ